

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT**



MỤC LỤC




I.	TRANG KIỂM SOÁT	4
II.	TÌNH TRẠNG PHÊ DUYỆT, SỬA ĐỔI	4
III.	MỤC ĐÍCH	5
IV.	PHẠM VI ÁP DỤNG	5
V.	TÀI LIỆU LIÊN QUAN	5
VI.	ĐỊNH NGHĨA, THUẬT NGỮ	5
VII.	NỘI DUNG	6
A.	Vị trí, vai trò, chức năng và cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát	6
1.	Vị trí, vai trò, chức năng Ban kiểm soát	6
2.	Nguyên tắc làm việc	6
3.	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	6
4.	Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát	6
5.	Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát	7
6.	Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	8
7.	Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	8
8.	Cách thức bầu, bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát	8
9.	Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát	8
10.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	9
11.	Thay thế thành viên Ban kiểm soát	9
12.	Thông báo về bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	10
B.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát	10
1.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát	10
2.	Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát	12
3.	Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát	13
4.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	14
5.	Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	14
C.	Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát	15
1.	Tần suất họp của Ban kiểm soát	15
2.	Địa điểm họp, hình thức họp	16
3.	Thông báo và chương trình họp	16
4.	Điều kiện tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát	16
5.	Biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát	16



6.	Quyết định Ban kiểm soát.....	17
7.	Biên bản họp	18
D.	Báo cáo và công khai lợi ích	18
1.	Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	18
2.	Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác.....	19
3.	Công khai các lợi ích liên quan	19
E.	Mối quan hệ của Ban kiểm soát	20
1.	Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	20
2.	Mối quan hệ với ban điều hành.....	20
3.	Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	20
4.	Cơ chế phối hợp của Ban kiểm soát với Kiểm toán nội bộ	20
VIII.	PHỤ LỤC	21



I. TRANG KIỂM SOÁT

Đơn vị	Họ tên	Chức vụ	Chữ ký
Đơn vị soạn thảo	Lê Thị Thanh Huyền	Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ	
Đơn vị kiểm tra nội dung và nghiệp vụ	Nguyễn Thị Việt Hằng	Phó phòng Kiểm toán nội bộ	
Phê duyệt	Bùi Thị Nhật Linh	Trưởng Ban kiểm soát	



II. TÌNH TRẠNG PHÊ DUYỆT, SỬA ĐỔI

Lần sửa	Trang sửa	Nội dung sửa đổi	Ngày hiệu lực	Xem xét	Phê duyệt	Lý do soát xét thay đổi
00		Ban hành mới Quy chế về tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát	2008		Lê Văn Chung	
01		Ban hành thay thế Quy chế về tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát số .../2008/VietCredit-QC	25/04/2019	Nguyễn Thị Việt Hằng	Trần Việt Phương	Thay thế văn bản cũ để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.
02		Ban hành thay thế Quy chế về tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát số 457/2019/VietCredit-QC	29/04/2022	Bùi Thị Nhật Linh	Trần Việt Phương	Thay thế văn bản cũ để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

03	Ban hành thay thế Quy chế về tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát số 153/2022/VietCredit-QC	10/01/2025	Nguyễn Thị Việt Hằng	Bùi Thị Nhật Linh	Thay thế văn bản cũ để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.
----	-------------------------------------------------------------------------------------------	------------	----------------------	-------------------	----------------------------------------------------------------------

III. MỤC ĐÍCH

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát, nguyên tắc và quy định hoạt động Ban kiểm soát theo Điều lệ công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

IV. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt.

V. TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt ban hành theo từng thời kỳ.

VI. ĐỊNH NGHĨA, THUẬT NGỮ

1. **Công ty:** Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt.
2. **Điều lệ:** Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt ban hành theo từng thời kỳ.
3. **Đơn vị:** là các Phòng, Trung tâm và Chi nhánh/Phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp trực thuộc Công ty.

4. **Luật các Tổ chức tín dụng:** Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).
5. **Luật doanh nghiệp:** Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ 01/01/2021.
6. **Người có liên quan, người quản lý, người điều hành, cổ đông, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn:** theo quy định tại Điều lệ Công ty.

VII. NỘI DUNG

A. Vị trí, vai trò, chức năng và cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

1. Vị trí, vai trò, chức năng Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Nguyên tắc làm việc

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát có Phòng Kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.

3. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

3.1. Ban kiểm soát của Công ty có từ 03 đến 05 thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3.2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

3.3. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Khoản 3.1 Mục này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Công ty phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các Tổ chức tín dụng.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

4.1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Mục VII.A.5 Quy chế này;

- 4.2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
- 4.3. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
- 4.4. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- 4.5. Không phải là người có liên quan của người quản lý Công ty;
- 4.6. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- 5. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát**
Những người sau đây không được là thành viên Ban kiểm soát Công ty:
 - 5.1. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - 5.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
 - 5.3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - 5.4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
 - 5.5. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Công ty hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát Công ty theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - 5.6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Công ty;
 - 5.7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - 5.8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;



- 5.9 Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
- 5.10 Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 của Luật các tổ chức tín dụng;
- 5.11 Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

6. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Thành viên Ban kiểm soát của Công ty không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

- a) Người quản lý, người điều hành Công ty, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

8. Cách thức bầu, bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

9. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

- 9.1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát:
- a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Mục VII.A.5 Quy chế này;
- b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Công ty khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
- c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) Khi Công ty bị thu hồi Giấy phép;
- f) Chết.



- 9.2. Trường hợp bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Mục VII.A.9.1 Quy chế này, Hội đồng quản trị Công ty phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f Mục VII.A.9.1 Quy chế này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
- 9.3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Ban kiểm soát của Công ty vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
- 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**
- 10.1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Mục VII.A.9 Quy chế này, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty;
 - Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Mục VII.A.4 Quy chế này;
 - Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ của Công ty;
- 10.2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát của Công ty vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
- 10.3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại Mục VII.A.10.1 ở trên, Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.
- 11. Thông báo về bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**
- 11.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu hoặc bổ nhiệm làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ học vấn;



- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
- f) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- g) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty trong từng thời kỳ;
- h) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có);
- i) Các thông tin khác theo quy định của Điều lệ của Công ty và quy định pháp luật trong từng thời kỳ.

11.2. Việc thông báo về kết quả bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

12. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

12.1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát vi phạm quy định tại Mục VII.A.6 những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Quy chế này và Khoản 10 Điều 41 Điều lệ Công ty hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Mục VII.A.4 Quy chế này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

12.2. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Mục VII.A.12.1 ở trên phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty.

B. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1.1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Công ty trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và Điều lệ của Công ty.

1.2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Công ty về kế toán, báo cáo.

1.3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Công ty, có quyền sử dụng các nguồn lực của Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê

chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

- 1.4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 1.5. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Công ty; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 1.6. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 1.7. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 1.8. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật các Tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Công ty.
- 1.9. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- 1.10. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
- 1.11. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Công ty có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
- 1.12. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng

- quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
- 1.13. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của Công ty. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
 - 1.14. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các Tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
 - 1.15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng kiểm toán nội bộ.
 - 1.16. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1.8, 1.11, 1.14 của Mục VII.B.1 này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, người có liên quan theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.
 - 1.17. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - 1.18. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
 - 1.19. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 - 1.20. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
 - 1.21. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
 - 1.22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - 1.23. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - 1.24. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát**



- 2.1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Mục B.1 của Quy chế này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- 2.2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
- 2.3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
- 2.4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại khoản 1.13 và 1.14 Mục VII.B.1 của Quy chế này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
- 2.5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
- 2.6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
- 2.7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.
- 2.8. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
- 2.9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
- 2.10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
- 2.11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

- 3.1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty và của cổ đông, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- 3.2. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 3.3. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.
- 3.4. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
- 3.5. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.



- 3.6. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Công ty.
- 3.7. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- 3.8. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của Công ty và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.
- 3.9. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
- 3.10. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 3.1 đến 3.10 Mục này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
- 3.11. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
- 3.12. Các nghĩa vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 4.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
- 4.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và cán bộ nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 4.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

5. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

- 5.1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:



- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
- 5.2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- 5.3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5.1 Mục VII.B.5 ở trên sẽ được Công ty hoàn lại.

C. Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

1. Tần suất họp của Ban kiểm soát

- 1.1. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
- 1.2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
- 1.3. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b) Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
 - c) Trưởng Ban kiểm soát;
 - d) Thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Tổng Giám đốc;
 - f) Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

- 1.4. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1.3 Mục này. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp nếu Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát, bầu một thành viên Ban kiểm soát bảo đảm các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát, hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn

tại, vướng mắc chưa thể giải quyết. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với chức danh Trưởng Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

2. Địa điểm họp, hình thức họp

- 2.1. Địa điểm họp: Các cuộc họp của Ban kiểm soát có thể được tiến hành tại Trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác được Ban kiểm soát quy định.
- 2.2. Hình thức họp: họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc phương thức điện tử khác.

3. Thông báo và chương trình họp

- 3.1. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau năm (05) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo mời họp Ban kiểm soát được làm bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban kiểm soát trước khi họp.
- 3.2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

4. Điều kiện tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát

Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được uỷ quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

5. Biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát

- 5.1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
- 5.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được



tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

- 5.3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
- 5.4. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại điểm r khoản 3 Điều 67 và Khoản 9 Điều 70 Luật các Tổ chức tín dụng và/hoặc một hợp đồng được ký với doanh nghiệp được nêu tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
- 5.5. Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Công ty phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban kiểm soát, tại đây Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan. Đối với các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì phải trình lên Đại hội đồng cổ đông quyết định.

6. Quyết định Ban kiểm soát

- 6.1. Ban kiểm soát thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 6.2. Quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp
Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
- 6.3. Lấy ý kiến bằng văn bản
Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua

bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

- a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- b) Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

7. Biên bản họp

Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào biên bản họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt, chi tiết và rõ ràng và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

D. Báo cáo và công khai lợi ích

1. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

- 1.1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- 1.2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- 1.3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- 1.4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- 1.5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;



- 1.6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác;
- 1.7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;
- 1.8. Báo cáo kết quả giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 1.9. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác

- 2.1. Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát và mức thù lao mỗi ngày.
- 2.2. Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 2.3. Tiền lương, thù lao, thưởng và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Công khai các lợi ích liên quan

- 3.1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải cung cấp cho Công ty các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;



- d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
- 3.2. Việc kê khai theo quy định tại Mục VII.D.3.1 ở trên được gửi cho Công ty bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
- 3.3. Công ty phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 3.1 Mục này tại trụ sở chính của Công ty và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Công ty công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 3.1 Mục này với Đại hội đồng cổ đông.
- 3.4. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

E. Mối quan hệ của Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

2. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

3. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Cơ chế phối hợp của Ban kiểm soát với Kiểm toán nội bộ

Ban kiểm soát của Công ty thực hiện giám sát đối với Kiểm toán nội bộ bao gồm:

- 4.1. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, cán bộ nhân viên Phòng Kiểm toán nội bộ;
- 4.2. Giám sát Kiểm toán nội bộ trong việc:
- a) Thực hiện kiểm toán nội bộ;



- b) Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của Kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;
- c) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của Kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

VIII. PHỤ LỤC

Không có.

